

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 10 – 2024.

V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Lê Văn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:** Ông Bà Nguyễn Thị Phan Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn Q, sinh năm 1976.

Cùng nơi cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Lê Văn Q thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lê Văn Q thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và sống chung như vợ chồng từ năm 1999 đến nay nhưng không đăng ký

kết hôn với nhau. Từ năm 1999 đến ngày 25/11/2021, chị L và anh Q sống chung như vợ chồng ở V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Từ ngày 26/11/2021 đến nay, chị L và anh Q chuyển đến sống chung như vợ chồng tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Quá trình sống chung, chị L và anh Q sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, không còn yêu thương và không còn sống chung với nhau nên nay chị L và anh Q thống nhất đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Q.

Về con chung: Chị L và anh Q thống nhất có 02 con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 28/8/2000 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 01/11/2002. Chị L và anh Q thống nhất các con đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Q thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và anh Q giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Q. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 28/8/2000 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 01/11/2002 đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Q. Bị đơn anh Lê Văn Q cư trú tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Về quan hệ tranh chấp: Tại thông báo thụ lý vụ án số 179/TB –TLVA ngày 18/9/2024 của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/10/2024 xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” nhưng quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất không đăng ký kết hôn với nhau và đều yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Các đương sự đều yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt và không tiến hành hoà giải (BL24+25). HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q thống nhất tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1999 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn với nhau phù hợp với nội dung xác nhận của UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên tại đơn xin xác nhận ngày 19/9/2024 (BL 17): “*Theo đơn trình bày của công dân Nguyễn Thị L. Qua kiểm tra trích lục sổ bộ H còn lưu tại xã trong thời gian sinh sống thường trú tại thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên từ năm 1999 đến ngày 25/11/2021 không có đăng ký kết hôn tại địa phương*” và nội dung tại biên bản xác minh ngày 09/10/2024 tại UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (BL 26): “*Từ ngày 26/11/2021 đến nay, chị L và anh Q có sống chung như vợ chồng tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nhưng không đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường X*”.

Quá trình sống chung, chị L và anh Q thống nhất từ năm 2020 có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay không còn tình cảm với nhau, không còn sống chung với nhau và thống nhất yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L và anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Q thống nhất có 02 con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 28/8/2000 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 01/11/2002. Hiện các con chung đã thành niên, có khả năng lao động, chị L và anh Q thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Q thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 3, Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 28/8/2000 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 01/11/2002, chị L và anh Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị L nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000552 ngày 18/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND phường Xuân Yên, tx Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

